**d**

BÁO CÁO ĐỒ ÁN THỰC HÀNH

MÔN HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU

GVHD: ……….

# **THÔNG TIN NHÓM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **MSSV** | **Họ tên** | **Công việc** | **% Hoàn thành** |
| **1** |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |
| **4** |  |  |  |  |
| **5** |  |  |  |  |

# XÁC ĐỊNH CHỨC NĂNG HỆ THỐNG VÀ TÌNH HUỐNG TRANH CHẤP

# Các chức năng của hệ thống

### **Chức năng cho DÙNG CHUNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức năng** | **Mô tả hoạt động** |
| DC1 | Đăng nhập | Kết nối tới server bằng tài khoản và mật khẩu đã tạo. |

### **Phân hệ đối tác**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức năng** | **Mô tả hoạt động** |
| DT1 | Đăng ký làm đối tác | Đối tác nhập: Tên đối tác, người đại diện, thành phố, quận, số chi nhánh, số lượng đơn hàng mỗi ngày, loại hàng vận chuyển, địa chỉ kinh doanh, số điện thoại, email. Hệ thống tiếp nhận vào tạo tài khoản nếu hợp lệ. |
| DT2 | Lập hợp đồng | Đối tác nhập: Mã số thuế của đối tác, người đại diện, số chi nhánh đăng ký, địa chỉ các chi nhánh để đăng ký hợp đồng. Hệ thống áp dụng mức phí hoa hồng hiện tại. |
| DT3 | Tái kích hoạt hợp đồng | Đối tác đồng ý tái kích hoạt hợp đồng. Hệ thống cập nhật thời gian hiệu lực và phần trăm hoa hồng theo qui định hiện tại của công ty. |
| DT4 | Quản lý sản phẩm | Cho phép đối tác thêm – xóa – sửa thông tin sản phẩm và chi nhánh có cung cấp sản phẩm này. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ và thông báo thêm – xoá – sửa thành công/thất bại. |
| DT5 | Quản lý đơn hàng | Cho phép đối tác xem thông tin đơn hàng và cập nhật tình trạng của đơn hàng. |

### **Phân hệ khách hàng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức năng** | **Mô tả hoạt động** |
| KH1 | Đăng ký làm khách hàng | Khách hàng nhập: Họ tên, số điện thoại, địa chỉ, email để tạo tài khoản đăng nhập. |
| KH2 | Đặt hàng | * Khách hàng xem danh sách đối tác. * Chọn đối tác, hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm của đối tác đó. * Chọn sản phẩm, số lượng tương ứng, hình thức thanh toán và địa chỉ giao hàng. * Hệ thống tiến hành tính phí gồm: phí sản phẩm và phí vận chuyển. * Khách hàng xác nhận đồng ý, đơn hàng sẽ được chuyển đến đối tác và tài xế |
| KH3 | Theo dõi đơn hàng | Khách hàng theo dõi quá trình vận chuyển đơn hàng (Gồm các tình trạng: Chờ/ Đang giao/ Đã giao). |

### **Phân hệ tài xế**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức năng** | **Mô tả hoạt động** |
| TX1 | Đăng ký làm tài xế | Tài xế nhập: Họ tên, CMND, điện thoại, địa chỉ, biển số xe, khu vực hoạt động, email, thông tin tài khoản ngân hàng để nhận tiền. Hệ thống kiểm tra thông tin và yêu cầu người dùng nộp một khoản phí thuế chân. Hệ thống tạo tài khoản sau khi người dùng thanh toán thành công. |
| TX2 | Tiếp nhận đơn hàng | Hệ thống hiển thị danh sách đơn hàng theo khu vực mà tài xế đã đăng ký. Tài xế chọn đơn hàng sẽ giao. |
| TX3 | Cập nhật đơn hàng | Tài xế cập nhật tình trạng đơn hàng lên hệ thống. |
| TX4 | Theo dõi thu nhập | Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng tài xế đã nhận và phí vận chuyển tài xế được nhận ứng với từng đơn hàng |

### **Phân hệ nhân viên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức năng** | **Mô tả hoạt động** |
| NV1 | Xét duyệt hợp đồng | Nhân viên xem những đơn hợp đồng xin duyệt và quyết định duyệt/huỷ bỏ. Hệ thống tiếp nhận quyết định, gửi thông báo huỷ hợp đồng (nếu huỷ bỏ); gửi thông báo hiệu lực của hợp đồng đến đối tác (nếu duyệt). |
| NV2 | Thông báo gia hạn | Nhân viên xem những hợp đồng đã được duyệt và gửi thông báo (trên app) đến người dùng khi hợp đồng sắp hết hạn. |

### **Phân hệ quản trị**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức năng** | **Mô tả hoạt động** |
| QT1 | Cập nhật thông tin tài khoản | Cập nhật thông tin tài khoản |
| QT2 | Quản lý nhân viên/admin | Thêm – xóa –sửa tài khoản admin, nhân viên |
| QT3 | Mở/Khoá tài khoản | Quản trị có thể khoá tài khoản hoặc kích hoạt lại tài khoản người dùng. |
| QT4 | Cấp quyền thao tác dữ liệu | Quản trị được phép thay đổi quyền thao tác trên dữ liệu của người dùng khác |
| QT5 | Cấp quyền thao tác trên giao diện | Quản trị được phép thay đổi quyền thao tác trên giao diện của người dùng khác |

# Xác định tình huống tranh chấp

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chức năng 1** | **Người dùng** | **Chức năng 2** | **Người dùng** | **Lỗi tranh chấp** |
| **1** | **Kiểm tra và xuất số hợp đồng hết hạn** | **Nhân viên A** | **Gia hạn một hợp đồng** | **Nhân viên B** | **Unreapearable data** |
| **2** | **Gửi thông báo và gia hạn hợp đồng** | **Nhân viên** | **Lập hợp đồng và đọc thông báo** | **Đối tác** | **Deadlock cycle** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

# Thiết kế giao diện chức năng

## Chức năng: Đăng ký (Đối tác)

Graphical user interface

Description automatically generated

## Chức năng: Lập hợp đồng (Đối tác)

Text

Description automatically generated

## Chức năng: Quản lý sản phẩm và chi nhánh (Đối tác)

Table

Description automatically generated

## Chức năng: Theo dõi đơn hàng (Đối tác)

Table

Description automatically generated with medium confidence

## Chức năng: Đăng ký (Khách hàng)

Graphical user interface, application

Description automatically generated

## Chức năng: Đặt hàng (Khách hàng)

Graphical user interface, table

Description automatically generated

## Chức năng: Theo dõi đơn hàng (Khách hàng)

Graphical user interface, application, table

Description automatically generated